

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bản yêu cầu báo giá

Gói thầu: Mua văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng, in sổ, mẫu biểu thuộc chi phí sản xuất năm 2024

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số: 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 2445/QĐ-CTCP397 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng, in sổ, mẫu biểu thuộc chi phí sản xuất năm 2024;

Căn cứ Tờ trình ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Văn phòng trình phê duyệt bản yêu cầu báo giá Gói thầu: Mua văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng, in sổ, mẫu biểu thuộc chi phí sản xuất năm 2024;

Theo đề nghị của đồng chí Chánh văn phòng Công ty ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung bản yêu cầu báo giá cụ thể như sau:

Tên gói thầu Mua văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng, in sổ, mẫu biểu thuộc chi phí sản xuất năm 2024

Nội dung cụ thể theo Bản yêu cầu báo giá kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Văn phòng Công ty hành phát hành bản yêu cầu báo giá theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cơ quan Văn phòng và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*VT*

Nơi nhận:

- Chủ tịch (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.P03. *VT*



Kiêu Văn Sinh

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng, in sô, mẫu biểu thuộc chi phí sản xuất năm 2024

Kế hoạch Mua văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng, in sô, mẫu biểu thuộc chi phí sản xuất năm 2024

Phát hành: ngày 25 tháng 12 năm 2023

Ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt bản yêu cầu báo giá số :2478/QĐ-CTCP397 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Công ty cổ phần 397



Kiều Văn Sinh

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty Cổ phần 397
Kế hoạch	Mua văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng, in sổ, mẫu biểu thuộc chi phí sản xuất năm 2024
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần 397
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu Mua văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng, in sổ, mẫu biểu thuộc chi phí sản xuất năm 2024. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên mạng đấu thầu quốc gia.
7. Nhà thầu có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí 1,2,3,4,5,6 Mục 2 này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 02a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.
2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.
3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm 01 bản gốc với các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 và 02a Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);
4. Bản xác nhận đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc Fax về địa chỉ: Văn phòng Công ty Cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Điện thoại: 0203 2211 329, Fax 0203 3871 299. hoặc gửi email theo địa chỉ: quachphuongvt397@gmail.com. không muộn hơn 09 giờ 00 phút ngày 28 tháng 12 năm 2023. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên hệ thống website của Công ty Cổ phần 397 theo quy định tại địa chỉ <https://congtycophan397.com.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng, bằng đặt cọc hoặc thư bảo lãnh ngân hàng Việt Nam.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

CHƯƠNG II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng Trong vòng 358 ngày. Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực .

STT	Danh mục hàng hóa/đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Bảo hành	Ghi chú
I	MẶT HÀNG THUẾ GTGT 8%				
1	Băng dính 2 mặt 2 cm	Cuộn	3		
2	Băng dính trắng 80ya	Cuộn	75		
3	Băng dính xanh 5cm	Cuộn	286		
4	Băng dính xanh dày	Cuộn	10		
5	Bìa kẹp file khổ A5 (KT 16 x 23)	Cái	650		
6	Bìa màu A4 ĐL160 (100 tờ/ram)	Tập	106		
7	Bìa mềka A4 dày (100 tờ/ram)	Tập	16		
8	Bút chữ A đỏ (48 cái/hộp)	Cái	10		
9	Bút bi xanh TL 025 (20 cái/hộp)	Hộp	164		
10	Bút chì gỗ (10 cái/hộp)	Cái	33		
11	Bút chì gỗ đực (10 cái/hộp)	Cái	2		
12	Bút chữ A (48 cái/ca)	Hộp	6		
13	Bút đầu dòng TL HL-03 (ngòi nhỏ)	Cái	20		
14	Bút đầu dòng TL HL-012 (10 cái/hộp)	Cái	2		
15	Bút đôi gắn bàn TL PH - 02 (2 cái/bộ)	Bộ	5		
16	Bút Liquid Gel ink 0,7mm, BL 57 12 cái/hộp	Cái	219		
17	Bút TL 036 Metal Clip 0,7mm (20 cái/hộp)	Hộp	21		
18	Bút TL 036 Metal Clip 1,0 mm (20 cái/hộp)	Hộp	15		
19	Bút tizo TG 310 (12 cái/hộp)	Hộp	14		
20	Bút viết bảng đen (10 cái/ hộp)	Cái	43		
21	Bút xoá (10 cái/ hộp)	Cái	182		
22	Cặp 3 dây giấy gáy 10 cm	Cái	155		
23	Cặp còng cua 15cm	Cái	30		
24	Cặp*càng cua Hyphen 3 cm	Cái	5		
25	Cặp còng cua Hyphen 5cm	Cái	7		
26	Cặp còng cua Hyphen 9cm	Cái	5		
27	Cặp cục nhỏ Hyphen HP 02	Cái	1185		
28	Cặp cục to Hyphen HP 05	Cái	675		
29	Cặp đựng máy tính nhỏ	Cái	2		
30	Cặp đựng máy tính to	Cái	5		
31	Cặp hộp nhựa dẻo 9 cm	Cái	18		
32	Cặp hộp nhựa dẻo 7cm	Cái	10		
33	Cặp trình ký da TK1 in phun	Cái	17		

34	Cặp trình ký nhựa 2 khóa kẹp	Cái	20		
35	Chứng chỉ huấn luyện ATVSV (1/2 A4)	Cái	10		
36	Dầu chức danh S831	Con	6		
37	Dầu chức danh S843	Con	1		
38	Dây nilon	Cuộn	1		
39	Dây nịt (0,5kg/túi)	Túi	3		
40	Giấy ghi chú vàng 3 x 3	Túi	183		
41	Giấy in A0	Cuộn	131		
42	Giấy A3 Double A ĐL 70gsm (500 tờ/ram)	Ram	77		
43	Giấy A4 Double A ĐL 70gsm (500 tờ/ram)	Ram	1466		
44	Giấy A5 Double A ĐL 70gsm (500 tờ/ram)	Ram	435		
45	Giấy in A5 Plus ĐL 70gsm (500 tờ/ram)	Ram	50		
46	Giấy dán chữ ký nhựa	Tập	268		
47	Giấy màu A4 ĐL 100 (500 tờ/ram)	Ram	3		
48	Giấy than House (100 tờ/tập)	Tập	3		
49	Hộp đựng bút gỗ HX 1028	Cái	7		
50	Hộp đựng tài liệu 10 cm	Cái	5		
51	Hộp đựng tài liệu 15 cm	Cái	15		
52	Hộp đựng tài liệu 20 cm	Cái	2		
53	Hộp đựng tài liệu 30 cm	Cái	15		
54	Hộp đựng tài liệu nhựa dẻo 10cm	Cái	5		
55	Hộp đựng tài liệu nhựa dẻo 15cm	Cái	10		
56	Keo dán giấy nước TL - G08	Lọ	88		
57	Keo dán khô Mic	Hộp	13		
58	Khay dẩu S843	Cái	5		
59	Khay đựng tài liệu ngang Mêka	Cái	1		
60	Lệnh các loại A4 1 mặt	Tờ	327450		
61	Lịch bàn chữ A dọc	Quyển	13		
62	Lịch để bàn chữ A ngang	Quyển	5		
63	Lịch trình kiểm tu + Lịch trình vận dụng A1	Tờ	100		
64	Lịch trình kiểm tu + Lịch trình vận dụng A2	Tờ	160		
65	Pin tiểu Panasonic Alkaline AA/AAA 1, 5V (2 quả/đôi)	Cặp	100		
66	Phiếu vận chuyển than qua trạm, 1/2 A4 dọc, 100 tờ/quyển, đập đường xé.	Quyển	1100		
67	Phiếu xin lĩnh dầu Diezen, 1/2 A4 giấy cacbon, 100 tờ/quyển	Quyển	3490		
68	Phong bì A5 in 1 màu	Tập	2		
69	Phong bì Công ty A4 in 1 màu	Cái	684		
70	Phong bì Công ty KT: 12cm x 20cm in phân màu giấy ĐL 200	Tập	100		
71	Phong bì Công ty 10cm x 20 cm in phân màu giấy ĐL 200	Tập	100		
72	Phong bì thư, 100 cái/tập dán băng dính 2 mặt	Tập	30		
73	Sổ A4 200 trang bìa mềm	Quyển	3		
74	Sổ A4 bìa cứng 3 tập/quyển	Quyển	26		
75	Sổ giao ban bìa da A4 in phun	Quyển	10		
76	Sổ khám sức khỏe dày, 7 tờ A3/quyển + bìa màu	Quyển	600		
77	Sổ lương thực thực phẩm, 16 tờ A3/quyển	Quyển	30		
78	Sổ quỹ tiền mặt, 12 tờ A3/quyển	Quyển	10		

79	Sổ tay nhỏ dày 160 trang/quyển	Quyển	180		
80	Sổ TD giờ hoạt động và NSTB, 16 tờ A3/quyển	Quyển	120		
81	Tẩy chì to	Cái	10		
82	Tẩy chì nhỏ	Cái	5		
83	Thước kẻ 30cm	Cái	6		
	Tổng giá trị (I)				
	Thuế 8%				
	Tổng tiền(I)				
II	MẶT HÀNG THUẾ GTGT 10%				
1	Máy đóng đại Deli No 0395	Cái	4		
2	Bàn dập ghim nhỏ Plus PS-10E	Cái	26		
3	Chuột không dây Fuhell	Cái	1		
4	Dao dọc giấy to Deli 2042	Cái	9		
5	Ghim dập 23/10	Hộp	1		
6	Ghim dập 23/13	Hộp	1		
7	Ghim dập 23/17	Hộp	8		
8	Ghim dập 23/20	Hộp	1		
9	Ghim dập 23/23	Hộp	1		
10	Ghim dập 23/8	Hộp	3		
11	Ghim dập 24/6	Hộp	5		
12	Ghim cài C62	Hộp	83		
13	Ghim cài C82	Hộp	20		
14	Ghim dập No10	Hộp	123		
15	Máy đóng xoay chiều Deli 414/ 336	Cái	2		
16	Hòm tôn đại 80cm	Cái	107		
17	Kéo cắt giấy to F200(S100) /2717	Cái	28		
18	Kẹp sắt đen 15mm (12 cái/hộp)	Hộp	141		
19	Kẹp sắt đen 19mm (12 cái/hộp)	Hộp	47		
20	Kẹp sắt đen 25mm (12 cái/hộp)	Hộp	38		
21	Kẹp sắt đen 32mm (12 cái/hộp)	Hộp	80		
22	Kẹp sắt đen 41mm (12 cái/hộp)	Hộp	10		
23	Kẹp sắt đen 51mm (12 cái/hộp)	Hộp	88		
24	Kim phun máy in A0 - T795	Hộp	1		
25	Lưỡi dao dọc giấy to Deli 2011	Hộp	2		
26	Máy tính Casio 14 số JS40B	Cái	3		
27	Mực in A0 - T795	Hộp	24		
28	Mực đỏ đồ dầu Shiny S62	Lọ	20		
29	Mực photo máy Ricoh 4002	Hộp	26		
30	Nhỏ ghim Deli 0232	Cái	3		
	Tổng giá trị (II)				
	Thuế 10%				
	Tổng tiền (II)				
	Tổng giá trị (I+II)				
	Tổng thuế 8%+10%				
	Tổng tiền (I+II)				

Tổng cộng: 113 mặt hàng./.

* **Yêu cầu khác**

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Thời gian giao hàng	Theo yêu cầu của bên mời thầu trong vòng Trong vòng 358 ngày. Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực .
2	Tiến độ giao hàng	Hàng hoá được giao từng đợt theo yêu cầu của bên mời thầu ,số lượng của mỗi đợt được cung cấp trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày có yêu cầu cấp hàng và trong thời gian hợp đồng có hiệu lực
3	Chất lượng hàng hóa	Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại
4	Địa điểm giao hàng	Tại Văn phòng của Công ty Cổ phần 397. Khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
5	Thời hạn thanh toán	Thanh toán bằng chuyển khoản 100% giá trị tiền hàng trong vòng 45 ngày của từng đợt giao hàng sau khi bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán bao gồm : Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa và các giấy tờ cần thiết khác.
6	Năm sản xuất	Sản xuất năm 2023 và/hoặc 2024
7	Bảo hành	Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
8	Hiệu lực báo giá	20 ngày kể từ ngày đóng thầu

Các nhà thầu phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: _____ [Ghi tên dự toán theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi:.....Điền tên đầy đủ của bên mời thầu

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	nội dung	Chào giá
1	Hàng Hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M)+(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền
I	MẶT HÀNG THUẾ GTGT 8%					
1	Băng dính 2 mặt 2 cm	Cuộn	. 3			
2	Băng dính trắng 80ya	Cuộn	75			
3	Băng dính xanh 5cm	Cuộn	286			
4	Băng dính xanh dày	Cuộn	10			
5	Bìa kẹp file khổ A5 (KT 16 x 23)	Cái	650			
6	Bìa màu A4 ĐL160 (100 tờ/ram)	Tập	106			
7	Bìa mềka A4 dây (100 tờ/ram)	Tập	16			
8	Bút chữ A đỏ (48 cái/hộp)	Cái	10			
9	Bút bi xanh TL 025 (20 cái/hộp)	Hộp	164			
10	Bút chì gỗ (10 cái/hộp)	Cái	33			
11	Bút chì gỗ đực (10 cái/hộp)	Cái	2			
12	Bút chữ A (48 cái/ca)	Hộp	6			
13	Bút đầu dòng TL HL-03 (ngòi nhỏ)	Cái	20			
14	Bút đầu dòng TL HL-012 (10 cái/hộp)	Cái	2			
15	Bút đôi gắn bàn TL PH - 02 (2 cái/bộ)	Bộ	5			
16	Bút Liquid Gel ink 0,7mm, BL 57 12 cái/hộp	Cái	219			
17	Bút TL 036 Metal Clip 0,7mm (20 cái/hộp)	Hộp	21			
18	Bút TL 036 Metal Clip 1,0 mm (20 cái/hộp)	Hộp	15			
19	Bút tizo TG 310 (12 cái/hộp)	Hộp	14			
20	Bút viết bảng đen (10 cái/ hộp)	Cái	43			
21	Bút xoá (10 cái/ hộp)	Cái	182			
22	Cặp 3 dây giấy gáy 10 cm	Cái	155			
23	Cặp còng cua 15cm	Cái	30			
24	Cặp còng cua Hyphen 3 cm	Cái	5			
25	Cặp còng cua Hyphen 5cm	Cái	7			
26	Cặp còng cua Hyphen 9cm	Cái	5			
27	Cặp cục nhỏ Hyphen HP 02	Cái	1.185			
28	Cặp cục to Hyphen HP 05	Cái	675			
29	Cặp đựng máy tính nhỏ	Cái	2			
30	Cặp đựng máy tính to	Cái	5			
31	Cặp hộp nhựa dẻo 9 cm	Cái	18			
32	Cặp hộp nhựa dẻo 7cm	Cái	10			
33	Cặp trình ký da TK1 in phun	Cái	17			
34	Cặp trình ký nhựa 2 khóa kẹp	Cái	20			
35	Chứng chỉ huấn luyện ATVSV (1/2 A4)	Cái	10			
36	Dầu chức danh S831	Con	6			
37	Dầu chức danh S843	Con	1			
38	Dây nylon	Cuộn	1			
39	Dây nịt (0,5kg/túi)	Túi	3			
40	Giấy ghi chú vàng 3 x 3	Túi	183			
41	Giấy in A0	Cuộn	131			
42	Giấy A3 Double A ĐL 70gsm (500 tờ/ram)	Ram	77			
43	Giấy A4 Double A ĐL 70gsm (500 tờ/ram)	Ram	1.466			

44	Giấy A5 Double A ĐL 70gsm (500 tờ/ram)	Ram	435			
45	Giấy in A5 Plus ĐL 70gsm (500 tờ/ram)	Ram	50			
46	Giấy dán chữ ký nhựa	Tập	268			
47	Giấy màu A4 ĐL 100 (500 tờ/ram)	Ram	3			
48	Giấy than House (100 tờ/tập)	Tập	3			
49	Hộp đựng bút gỗ HX 1028	Cái	7			
50	Hộp đựng tài liệu 10 cm	Cái	5			
51	Hộp đựng tài liệu 15 cm	Cái	15			
52	Hộp đựng tài liệu 20 cm	Cái	2			
53	Hộp đựng tài liệu 30 cm	Cái	15			
54	Hộp đựng tài liệu nhựa dẻo 10cm	Cái	5			
55	Hộp đựng tài liệu nhựa dẻo 15cm	Cái	10			
56	Keo dán giấy nước TL - G08	Lọ	88			
57	Keo dán khô Mic	Hộp	13			
58	Khay dấu S843	Cái	5			
59	Khay đựng tài liệu ngang Mêka	Cái	1			
60	Lệnh các loại A4 1 mặt	Tờ	327.450			
61	Lịch bàn chữ A dọc	Quyển	13			
62	Lịch để bàn chữ A ngang	Quyển	5			
63	Lịch trình kiểm tu + Lịch trình vận dụng A1	Tờ	100			
64	Lịch trình kiểm tu + Lịch trình vận dụng A2	Tờ	160			
65	Pin tiêu Panasonic Alkaline AA/AAA 1, 5V (2 quả/đôi)	Cặp	100			
66	Phiếu vận chuyển than qua trạm, 1/2 A4 dọc, 100 tờ/quyển, đập đường xé.	Quyển	1.100			
67	Phiếu xin lĩnh dầu Diezen, 1/2 A4 giấy cacbon, 100 tờ/quyển	Quyển	3.490			
68	Phong bì A5 in 1 màu	Tập	2			
69	Phong bì Công ty A4 in 1 màu	Cái	684			
70	Phong bì Công ty KT: 12cm x 20cm in phân màu giấy ĐL 200	Tập	100			
71	Phong bì Công ty 10cm x 20 cm in phân màu giấy ĐL 200	Tập	100			
72	Phong bì thư, 100 cái/tập dán băng dính 2 mặt	Tập	30			
73	Sổ A4 200 trang bìa mềm	Quyển	3			
74	Sổ A4 bìa cứng 3 tập/quyển	Quyển	26			
75	Sổ giao ban bìa da A4 in phun	Quyển	10			
76	Sổ khám sức khỏe dày, 7 tờ A3/quyển + bìa màu	Quyển	600			
77	Sổ lương thực thực phẩm, 16 tờ A3/quyển	Quyển	30			
78	Sổ quỹ tiền mặt, 12 tờ A3/quyển	Quyển	10			
79	Sổ tay nhỏ dày 160 trang/quyển	Quyển	180			
80	Sổ TD giờ hoạt động và NSTB, 16 tờ A3/quyển	Quyển	120			
81	Tẩy chì to	Cái	10			
82	Tẩy chì nhỏ	Cái	5			
83	Thước kẻ 30cm	Cái	6			
	Tổng giá trị (I)					
	Thuế 8%					
	Tổng tiền(I)					
	MẶT HÀNG THUẾ GTGT 10%					
1	Máy đóng đại Deli No 0395	Cái	4			
2	Bàn đập ghim nhỏ Plus PS-10E	Cái	26			
3	Chuột không dây Fuhell	Cái	1			

4	Dao dọc giấy to Deli 2042	Cái	9			
5	Ghim dập 23/10	Hộp	1			
6	Ghim dập 23/13	Hộp	1			
7	Ghim dập 23/17	Hộp	8			
8	Ghim dập 23/20	Hộp	1			
9	Ghim dập 23/23	Hộp	1			
10	Ghim dập 23/8	Hộp	3			
11	Ghim dập 24/6	Hộp	5			
12	Ghim cài C62	Hộp	83			
13	Ghim cài C82	Hộp	20			
14	Ghim dập No10	Hộp	123			
15	Máy đóng xoay chiều Deli 414/ 336	- Cái	2			
16	Hòm tôn đại 80cm	Cái	107			
17	Kéo cắt giấy to F200(S100) /2717	Cái	28			
18	Kẹp sắt đen 15mm (12 cái/hộp)	Hộp	141			
19	Kẹp sắt đen 19mm (12 cái/hộp)	Hộp	47			
20	Kẹp sắt đen 25mm (12 cái/hộp)	Hộp	38			
21	Kẹp sắt đen 32mm (12 cái/hộp)	Hộp	80			
22	Kẹp sắt đen 41mm (12 cái/hộp)	Hộp	10			
23	Kẹp sắt đen 51mm (12 cái/hộp)	Hộp	88			
24	Kim phun máy in A0 - T795	Hộp	1			
25	Lưỡi dao dọc giấy to Deli 2011	Hộp	2			
26	Máy tính Casio 14 số JS40B	Cái	3			
27	Mực in A0 - T795	Hộp	24			
28	Mực đỏ đổ dầu Shiny S62	Lọ	20			
29	Mực photo máy Ricoh 4002	Hộp	26			
30	Nhỏ gim Deli 0232	Cái	3			
	Tổng giá trị (II)					
	Thuế 10%					
	Tổng tiền (II)					
	Tổng giá trị (I+II)					
	Tổng thuế 8%+10%					
	Tổng tiền (I+II)					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

- Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

CHƯƠNG IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ ⁽¹⁾ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];
- Căn cứ ⁽²⁾ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ ⁽²⁾ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu: Công ty Cổ phần 397

Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 2211 329

Fax: 0203 3871 299

E-mail: ctycophan397@gmail.com- Website: congtycophan397.com.vn

Tài khoản: 114000142030

Tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Uông Bí

Mã số thuế: 5701435907

Đại diện là ông: Kiều Văn Sính

Chức vụ: Giám đốc

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng, thời gian, địa điểm giao hàng và chất lượng hàng hóa

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Bảng số 01 Yêu cầu cung cấp hàng hóa tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

1. Thời gian giao hàng: Theo yêu cầu của Bên A kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023. Việc cung cấp hàng hóa của Bên B sẽ được thực hiện căn cứ số lượng hàng hóa theo yêu cầu của Bên A tại thời điểm tương ứng. Khi có nhu cầu, Bên A sẽ lập đơn hàng (yêu cầu giao hàng) và thông báo để Bên B chuẩn bị hàng hóa và giao đủ trong vòng 05 (năm) ngày đối với từng đơn hàng cụ thể kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bên A.

2. Địa điểm giao hàng: Tại Văn phòng của Công ty Cổ phần 397. Khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

3. Chất lượng hàng hóa: Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại, sản xuất năm 2023 và/hoặc 2024

Điều 2. Thành phần Hợp đồng.

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian bắt đầu có hiệu lực Hợp đồng kể từ ngày hai bên ký kết và bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên A

- Tiến độ thực hiện hợp đồng: 358 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

- Sau khi giao nhận đủ hàng hóa và có đầy đủ chứng từ thanh toán thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

Giá hợp đồng..... đồng

Bằng chữ:.....

Giá trị trên đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế phí khác

Giá trị thanh toán = Đơn giá x Số lượng hàng hóa thực tế nhà thầu thực hiện

2. Phương thức thanh toán:

a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

b. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 (bốn mươi năm) ngày kể từ ngày bên A nhận đầy đủ chứng từ thanh toán từ bên B.

c. Số lần thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hàng hóa sau mỗi đợt Bên A yêu cầu cung cấp hàng và Bên B giao đầy đủ hàng, hóa đơn GTGT và các giấy tờ cần thiết khác cho Bên A.

Điều 5. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng, phương thức vận chuyển, giao nhận hàng hoá

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 358 ngày. Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời gian giao hàng: Giao làm nhiều đợt, số lượng của mỗi đợt được cung cấp trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày có yêu cầu cấp hàng của bên mua và trong thời gian hợp đồng có hiệu lực

Tại thời điểm bàn giao hàng hóa: hai Bên sẽ cùng nhau lập “Biên bản nghiệm thu và giao nhận hàng hóa” do nhân viên hoặc đại diện của hai bên cùng ký, trong đó ghi rõ hàng hóa được bàn giao, số lượng hàng hóa được bàn giao.

Địa điểm giao hàng: Tại Văn phòng Công ty cổ phần 397. Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do Bên B chịu.

Điều 7. Đảm bảo thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 (mười năm) ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng thực hiện theo một trong ba cách sau:

+ Bảo đảm bằng tiền mặt.

+ Bảo đảm bằng chuyển khoản.

+ Bảo đảm do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

- Giá bảo đảm thực hiện hợp đồng: = 3% giá hợp đồng là: **23.300.000 đồng**

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 358 ngày. Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện sẽ được trả lại cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực

- Trường hợp Bên B không thực hiện Bảo đảm thực hiện hợp đồng thì Hợp đồng bị hủy khi đó Bên A có quyền tổ chức lựa chọn Nhà thầu khác

- Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện Hợp đồng khi không thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu Bên A

- Trường hợp Bên B đảm bảo thực hiện hợp đồng bằng tiền mặt, chuyển khoản Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên B không chậm hơn 20 ngày kể từ khi hai bên ký biên bản nghiệm thu.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên

8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

Phải thông báo cho Bên B về khối lượng và tiến độ cung cấp hàng hóa để Bên B chuẩn bị.

Cử cán bộ liên hệ và đón nhận hàng theo thông báo của Bên B và ký Biên bản giao nhận hàng hóa khi đã nhận hàng hóa.

Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 4 của Hợp đồng này.

Có quyền yêu cầu Bên B giao hàng hóa theo đúng tiến độ quy định tại Hợp đồng

8.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B.

Đảm bảo giao hàng hóa đúng và đủ về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Phân loại và đóng gói hàng hóa đảm bảo an toàn trong vận chuyển và dễ kiểm nhận.

Giao hàng và gửi chứng từ đúng thời gian quy định.

Chịu trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa trước các cơ quan nhà nước và pháp luật.

Được thanh toán đầy đủ theo đúng thời hạn thanh toán đã quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

Điều 9. Phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại

Trường hợp bên B tự ý hủy ngang hợp đồng thì hợp đồng sẽ bị hủy và bên A có quyền xử phạt với mức phạt 5% giá trị hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên nào vi phạm trách nhiệm mà gây thiệt hại cho Bên còn lại thì phải chịu bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải chứng minh thiệt hại thực tế mà mình phải chịu.

Điều 10. Bất khả kháng

- Bất khả kháng là trường hợp do thiên tai và các thảm họa khác mang tính khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên.

- Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra. Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 01 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

Nếu có tranh chấp phát sinh khi thực hiện hợp đồng này mà hai bên không tự thương lượng được thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra vụ việc ra Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Tỉnh Quảng Ninh để phân xử. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thi hành. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do bên vi phạm chịu 100%.

Điều 12. Điều khoản chung của Hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong khi thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc hai bên có trách nhiệm thông báo cho nhau biết bằng văn bản để bàn bạc thống nhất giải quyết. Bên nào không thực hiện đúng thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trường hợp hai bên không thể thương thảo được, thì đưa ra tòa án có thẩm quyền phán quyết của tòa án hai bên phải thực hiện. Mọi chi phí phát sinh do bên thua chịu.

Điều 13. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này.

Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 14. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và cam kết tính hợp lệ của hàng hoá đó.

Điều 15. Cung cấp, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá.

2. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Thời gian kiểm tra ngay khi giao hàng, địa điểm kiểm tra tại Văn phòng Bên A.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 16. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100%, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn sản xuất và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.
2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
3. Điều kiện bảo hành: Bên A đưa hàng hóa vào sử dụng theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, trong quá trình sử dụng mà hàng hóa bị hư hỏng trong thời gian bảo hành, bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A phần hàng hóa bị hư hại và chi phí sửa chữa, thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày xác nhận hư hỏng.

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng của Bên B đến hết ngày 31/12/2024.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a, Mẫu số 03a(1) trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (*hoặc hợp đồng*), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ *[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ *[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*Ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.